

VỀ MỘT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN CHO ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐỖ NGUYỄN

Việt Nam là một nước nông nghiệp chậm phát triển với tất cả các yếu tố đặc trưng như dân số đông và gia tăng mau, kết cấu hạ tầng về kỹ thuật, kinh tế, xã hội yếu kém... Sẽ là một mơ tưởng hão huyền nếu chúng ta hy vọng biến VN thành một quốc gia công nghiệp chỉ trong vòng một hai chục năm. Do đó phát triển nông nghiệp sẽ vẫn phải là một chiến lược ưu tiên trong phát triển kinh tế xã hội trong thời gian trước mắt.

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang phải vật lộn với nhiều khó khăn, và có thể nói là đang ở trong tình trạng khủng hoảng: cân cán thanh toán quốc tế thiếu hụt, lạm phát đang quay trở lại, hoạt động yếu kém của thị trường quốc nội - sản xuất công nghiệp đình đốn, mãi lực dân chúng giảm sút... Cải cách (hay đổi mới) ở mức độ nào đó đã tỏ ra có hiệu quả; tuy nhiên kinh nghiệm gần đây cho thấy những cải cách "nửa vời" không đem lại một sự biến đổi thực sự. Việc phát triển một hệ thống kinh tế hướng về thị trường đòi

hỏi phải xóa bỏ mô hình kinh tế cũ với tình trạng bao cấp và quan liêu; xuất hiện như một quán tính vì trong nhiều trường hợp, sự kết hợp giữa các yếu tố cũ và mới đã khiến cho hoạt động trở nên kém hiệu quả hơn hệ thống cũ.

Trong việc phát triển nông nghiệp tại Việt Nam, điều chủ yếu là phải thực hiện một cuộc cải cách đồng bộ và được cân nhắc kỹ lưỡng vì nông nghiệp và phát triển nông nghiệp đòi hỏi những quyết định kinh tế phức hợp (complex) chứ không chỉ thuần túy là khoa học kỹ thuật. Do đó, cần lưu ý tới hệ thống nông nghiệp như một tổng thể kinh tế xã hội hoàn chỉnh, tức cần phải có một chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn một cách toàn diện.

Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) là một vựa lúa lớn của cả nước; ở đây đã hình thành một hệ thống nông nghiệp (agricultural system) với những đặc trưng về sinh thái tự nhiên và nhân văn đã được phân tích nhiều trong các cuộc nghiên cứu khoa học trước đây và gần đây nhất là chương

trình điều tra cơ bản tổng hợp vùng ĐBSCL (chương trình 60-B).

Tuy nhiên, một chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn toàn diện tại ĐBSCL như vậy sẽ tác động mạnh tới đã phát triển kinh tế xã hội chung của cả nước, nó đòi hỏi ở các nhà lập chính sách (policy-makers) và các nhà ra quyết định (decision-makers) một tầm nhìn tổng hợp và tinh thần trong lúc xác định mục tiêu của chiến lược phát triển vùng.

Nông hộ hiện được công nhận đơn vị sản xuất nông nghiệp cơ bản của vùng, cũng như của cả nước, như vậy canh tác và sản xuất tư nhân sẽ được mở rộng và phát triển. Nhưng còn có nhiều trở ngại (hindrances) và tắc nghẽn (bottlenecks) cho việc phát triển của một nền sản xuất tư nhân, chẳng hạn như:

- Thiếu vốn trầm trọng cho việc phát triển sản xuất;
- Thiếu vắng một hệ thống tín dụng nông nghiệp và nông thôn hữu hiệu (như đã trình bày sơ lược trong một bài viết trước đây)(1);
- Trình độ hiểu biết về chuyên môn và quản lý của nông dân còn yếu kém;
- Thiếu vắng một hệ thống dịch vụ nông nghiệp hữu hiệu bao gồm dịch vụ kỹ thuật, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm (marketing)
- Các yếu tố có tính định chế (institutional factors) chưa ổn định và đủ bảo đảm cho tương lai đầu tư của nông dân và các nhà kinh doanh trong lãnh vực nông nghiệp;
- Kết cấu hạ tầng cơ sở về kỹ thuật cũng như kinh tế, xã hội còn quá yếu kém và thiếu sót...

Nói chung, môi trường nông nghiệp chưa hoàn toàn thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp cá thể và điều này trong một thời kỳ và đòi hỏi đ



2 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

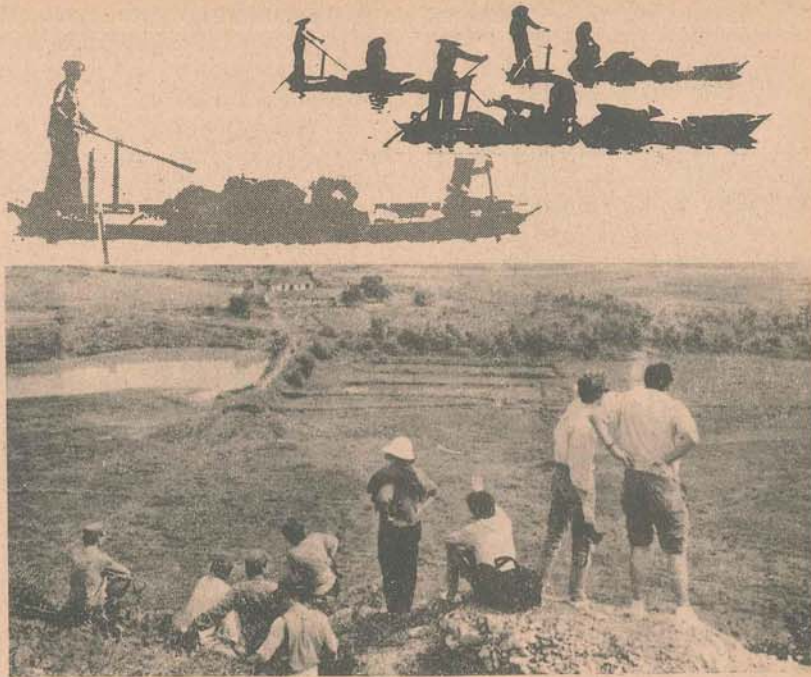
in tới tình trạng khó khăn cho một số nông dân vốn trong quá khứ đã quen lại vào bao cấp toàn diện của nhà nước trong thời kế hoạch cứng và tập thể hóa.

Thị trường nông sản và vật tư nông nghiệp thường không thuận lợi cho nông dân và dễ bị tư thương thao túng: nông sản các tư thương (và tất nhiên là các công ty kinh doanh quốc doanh) đã mau chóng nắm quyền lực định giá trên thương trường, trong một tình trạng mà các kinh tế gia về kinh tế thị trường gọi là tình trạng độc quyền của những người mua (buyers' market oligopsony); về vật tư nông nghiệp cũng vậy, họ trở thành những người bán nắm độc quyền định giá (sellers' market oligopoly). Nông dân nghèo, thiếu tri thức về kinh doanh và yếu tố thời vụ của nông nghiệp khiến khả năng thương thảo (bargaining power) của họ thấp.

Nói như thế không có nghĩa là quay lại với kế hoạch cứng và bao cấp ổn dĩ đã tỏ ra không có hiệu năng kinh tế; mà trái lại, điều này chỉ để nhắc chúng mình là nhà nước trong hức năng của mình, ở một mức độ nào đó, phải can thiệp để bảo vệ sự vận hành thông suốt của cơ chế thị trường, và đó chính là một trong những điểm cốt lõi của một chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn toàn diện nhằm đạt tới mục tiêu là vùng DBSCL phải là vùng sản xuất lương thực thực phẩm hàng hóa.

Tất nhiên sẽ chẳng có một chỉ dẫn cố tính cách "cứng nhắc" nào về mức độ và thời gian can thiệp của nhà nước, mà điều này tùy thuộc vào sự khôn ngoan khéo léo của nhà nước trong việc đáp ứng với tình huống đương thời. Ngay cả tại các nước tiên tiến như Nhật, Mỹ, Tây Âu hiện nay, sự can thiệp của chính quyền vào lãnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp vẫn là điều cần thiết. Nhưng dù can thiệp ở mức độ nào thì sáng kiến của tư nhân trong nông nghiệp vẫn phải được tôn trọng, tức là tư nhân vẫn phải được coi như thành phần chủ động trong công cuộc phát triển nông nghiệp, như vậy sự can thiệp của nhà nước thông thường chỉ có thể là các can thiệp gián tiếp qua những chính sách và biện pháp kinh tế có tính cách điều hướng và tạo các khích lệ (incentives) cần thiết, hay nói đúng hơn là tạo môi trường thích hợp cho công cuộc phát triển.

Một chiến lược phát triển nông



ng nghiệp và nông thôn toàn diện sẽ chủ yếu nhằm phát triển con người nông thôn, chủ thể của các hoạt động kinh tế xã hội nông thôn. Như vậy ngoài các chính sách trong lãnh vực kỹ thuật, kinh tế, để cụ thể hóa, chiến lược sẽ bao gồm cả các chính sách xã hội. Các chính sách sẽ được thực hiện đồng bộ nhưng có thể theo các thứ tự ưu tiên khác nhau trong từng giai đoạn phát triển khác nhau. Các chính sách có thể phân thành ba nhóm chính:

1. Nhóm các chính sách liên quan đến gia tăng sản lượng nông nghiệp tức là các chính sách sẽ tác động trên các yếu tố nhập lượng (inputs)

2. Nhóm các chính sách liên quan đến tiến trình tiêu thụ sản phẩm tức là các chính sách sẽ tác động trên xuất lượng sản phẩm (outputs)

3. Nhóm các chính sách liên quan đến con người ở nông thôn tức là các chính sách xã hội tác động thay đổi cơ bản về đời sống xã hội và văn hóa ở nông thôn, tạo môi trường tốt cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp.

Các chính sách thuộc nhóm 1 sẽ có thể bao gồm những chính sách về đất đai, vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu), thủy lợi, môi trường tự nhiên lựa chọn giống cây trồng, cơ khí hóa nông nghiệp, khuyến nông và tín dụng sản xuất nông nghiệp.

Đất đai là yếu tố quan trọng nhất trong nông nghiệp. Nói chung, về tâm lý, bảo đảm sự ổn định về quyền sở

hữu đối với đất đai là một trong những yếu tố chủ yếu để thúc đẩy người nông dân gắn bó với đất canh tác. Đất đai ở DBSCL thuộc loại tích sản nông nghiệp tốt nhất ở Châu Á, năng suất nông nghiệp ở đây còn có thể gia tăng cao hơn nữa. Chính sách về đất canh tác như vậy sẽ phải nhắm tới giải quyết các tình trạng đất canh tác ngày một phân nhỏ do tình trạng dân số tăng mau của vùng đồng bằng hoặc sự tập trung thái quá vào tay "chủ điền" do khuynh hướng phát triển tự nhiên của sự phân hóa xã hội, ở một qui mô ruộng đất nào thì thích hợp cho việc canh tác lúa và cơ khí hóa cơ gia đình. Bên cạnh đó, thuế thu từ đất sẽ được giải quyết ra sao để không trở thành gánh nặng trong chi phí sản xuất của nông dân.

Diện tích đất đai nông nghiệp (2) đã và đang sử dụng tại DBSCL có khoảng 2,5 triệu ha (trên tổng số đất tự nhiên khoảng 3,9 triệu ha) và diện tích bình quân tính trên đầu người trong nông nghiệp khoảng 2.000m². Như vậy nếu tính bình quân một hộ 6 người thì trong tương lai diện tích khoảng trên dưới 1 ha cho 1 hộ nông dân đó có thể là một diện tích tối hảo cho sản xuất nông nghiệp có cơ khí hóa (chủ yếu là trồng lúa) không? Điều này đòi hỏi một sự nghiên cứu sâu hơn nữa của các nhà nông học để có thể có câu trả lời thích đáng.

Về phương diện kinh tế, thu nhập (từ lúa) của nông dân trên 1 ha đất

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 3

như hiện nay (khoảng 1.200.000đ đến 3.500.000đ/năm, trung bình khoảng 1.800.000đ/năm- điều tra 1991) nếu chỉ có thu nhập từ lúa (và nếu mỗi hộ trong tương lai cũng chỉ canh tác khoảng 1 ha) thì chưa thể làm cho nông dân giàu lên được.

Thêm vào đó, với quyền sử dụng đất dài (trồng lúa) lâu dài (15 năm) mặc dù có thể coi như một bất động sản có thể chuyển nhượng và thế chấp được nhưng chưa phải là yếu tố kích lệ thích đáng và còn có thể gây tranh chấp xáo trộn vô ích khi việc chuyển nhượng hay thừa kế xảy ra vào lúc quyền sử dụng gần đáo hạn.

Như vậy, trong chính sách về sử dụng đất đai, ngoài việc nhằm gia tăng diện tích canh tác qua khai hoang phục hóa để tăng diện tích gieo trồng, còn có việc san định luật lệ để hoàn chỉnh các luật lệ về đất đai, quyền sở hữu hay sử dụng đất lâu dài và thuế thu trên đất.

Vật tư nông nghiệp và các trợ giúp kỹ thuật cho nông dân trước đây, trong thời kỳ hợp tác hóa "cứng" được bao cấp và chuyển giao qua các tập đoàn, hợp tác xã, hiện mảng này hầu như bị bỏ ngỏ, vai trò trợ giúp kỹ thuật của nhà nước bị mờ nhạt: chưa tới 2% tổng số hộ nông dân tại DBSCL nhận được cung ứng phân hóa học và hướng dẫn kỹ thuật của các cơ quan nhà nước. Hiện nay phân bón chủ yếu được nhập vào DBSCL từ bên ngoài (kể cả nhập khẩu và mua từ vùng khác trong nước), suất sử dụng phân bón trên 1ha đất canh tác tại đây tương đối thấp (3), chỉ có khoảng 70% nông dân bón phân 3 lần cho 1 vụ lúa (riêng vụ mùa gần 40% nông dân không sử dụng phân bón). Trong chính sách về vật tư nông nghiệp, thành phần quan trọng nhất là phân bón, nông dân rất nhạy cảm với giá phân bón và họ thường so sánh giá phân bón với giá gạo bán ra, vì thế cần bảo đảm cho nông dân nhập được vật tư kịp thời với giá gần sát với giá nhập, trong giai đoạn trước mắt. Chính sách này bao hàm một chính sách nhập khẩu tương ứng và về lâu dài cũng cần nghiên cứu đến khả năng xây dựng nhà máy sản xuất phân bón. Mặt khác về chính sách khuyến nông, vì ít có khả năng tư nhân tham gia trong công tác này, chính nhà nước sẽ phải trực tiếp đảm trách mạng lưới của tổ chức khuyến nông. Một phương thức có lẽ thích hợp nhất trong giai đoạn này là chuyển bớt

một phần công nhân viên dư thừa do tinh giản biên chế chính quyền qua mạng lưới khuyến nông với các lớp đào tạo ngắn hạn 3 - 6 tháng.

Chính sách hỗ trợ vốn trong sản xuất và thủy lợi cũng không kém phần quan trọng trong chiến lược phát triển nông nghiệp. Nếu chính sách về thủy lợi tạo lập và phân phối nguồn nước đến các đồng ruộng thường tác động trên một vùng rộng lớn và tạo lợi ích kinh tế chung cho cả người sản xuất và người tiêu dùng đồng thời gây ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái thì nên cần nhắc vấn đề nông dân có phải trả thủy lợi phí hay không? Thủy lợi phí sẽ được ấn định bao nhiêu để vừa đảm bảo sự phân phối lợi ích kinh tế giữa các chủ thể kinh tế vừa bảo đảm sự phát triển sản xuất, là bài toán có nhiều biến số tùy thuộc (dependent variables) cần được cân nhắc. Hỗ trợ vốn sản xuất cho nông dân có thể được giải quyết qua hệ thống tín dụng nông nghiệp với một chính sách tín dụng dành ưu đãi cho những ngành canh tác, nuôi trồng cần được nâng đỡ hay muốn đẩy mạnh sản xuất.

Các chính sách thuộc nhóm 2 tác động trên chính các nông sản, nhằm đưa chúng đến tay người tiêu dùng trong nước hoặc đến tay nhà nhập khẩu nước ngoài bao gồm giá cả, chất lượng, số lượng và thời gian. Ở đây sự can thiệp trực tiếp của nhà nước thường không đem lại hiệu quả cao. Có thể bao gồm trong nhóm này các chính sách về giá cả và kinh doanh nông sản, chính sách đa dạng hóa nông sản (4) để xuất khẩu, chế biến hàng xuất khẩu, tạo giá trị gia tăng (added value) cho nông sản xuất khẩu, chính sách thuế nhằm bảo hộ hàng xuất khẩu, chính sách tín dụng trong kinh doanh nông sản, nói chung là các vấn đề có liên hệ tới việc marketing nông sản.

Một trong những chính sách thường được một số quốc gia nông nghiệp áp dụng là chính sách đa dạng hóa đồng sản xuất khẩu. Sự đa dạng hóa nhằm giảm bớt rủi ro trong xuất nông nghiệp. Giá cả nông sản thế giới thường không ổn định. Trong đầu tư vào đất đai canh tác, nông dân phải chịu sự rủi ro cả về mặt năng suất (do thời tiết xấu, dịch sâu bệnh...) lẫn về giá cả. Tuy nhiên sự đa dạng hóa thường vấp phải phản ứng của nông dân vì trong một số trường hợp đối với nông dân sự chuyên môn hóa - chuyên trồng

một loại cây hay một số loại cây như định - mang lại nguồn lợi cao hơn. Họ nữa, tổ chức thị trường tại DBSCL chủ phát triển đầy đủ để nông dân có thể tiến hành các hoạt động bảo hiểm cả trồng hay bảo hiểm về các thị trường tương lai. Như vậy, sự đa dạng hóa nên được chuyển thành những vùng chuyên canh thích hợp nhất cho các loại cây trồng và con nuôi khác nhau để vừa tạo được lợi nhuận cao cho nông dân đồng thời tránh cho nền kinh tế các rủi ro do biến động giá cả trên thị trường quốc tế.

Chính sách giá cả, nhất là giá gạo khá quan trọng đối với nông dân, người tiêu thụ và cả nền kinh tế. Trên thị trường, giá gạo đã tăng (mặc dù không ổn định) trong hai thập niên qua, lúa gạo và cây trồng cạn (upland crops) đã đóng góp khoảng 1/6 thu nhập quốc dân và tạo ra hơn một nửa số công ăn việc làm cho nền kinh tế DBSCL và cả nước nói chung; mặt khác lúa gạo cũng là thực phẩm chính của người dân (60% năng lượng và protein thực phẩm từ gạo). Như vậy chính sách giá cả sẽ phải bao gồm sự ổn định giá nông phẩm nhất là gạo, trong nội địa (để bảo vệ người tiêu dùng trong nước) đồng thời thích ứng được với biến động giá trên thế giới. Chất lượng nông sản là một vấn đề cũng cần được quan tâm, chất lượng nông sản tùy thuộc sự phát triển của cây, con giống và kỹ thuật chế biến, tức tùy thuộc nhiều vào các chính sách thuộc nhóm 1 và chính sách về chế biến nông sản (công nghiệp chế biến) sẽ được đề cập sau.

Một điểm cần lưu ý trong chính sách giá nông phẩm là sự phối hợp giữa chính sách này với chính sách giá vật tư nông nghiệp và tỉ giá hối đoái, để tránh sự chênh lệch quá cao giữa tỉ giá thực tế giữa vật tư nông nghiệp nhập và nông phẩm xuất khẩu thu được, cũng như phản ánh được giá trị xã hội và chi phí sản xuất (5).

Trong kinh tế thị trường, tư nhân thường giữ một vị thế tương đối quan trọng trong lưu thông phân phối. Tại DBSCL, trong vài năm gần đây vai trò của tư thương thể hiện rõ nét trong cả hai khâu cung ứng vật tư nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm trực tiếp cho hộ nông dân: 72% về phân bón, 69% về máy móc nông nghiệp, 52% về lúa giống, 95% về lúa gạo, gần 100% về các lương thực khác, 85% gà vịt, 94% heo, trên 70% về các loại rau đậu, trái cây. Do

4 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

to cần có một chính sách bao quát về kinh doanh trong nông nghiệp để bảo vệ cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Bên cạnh chính sách giá nông phẩm cần có chính sách tín dụng kinh doanh nông nghiệp nhằm giảm bớt chi phí giá thành, bảo vệ người nông dân ở khâu tiêu thụ sản phẩm và giúp những nhà kinh doanh xuất khẩu nông phẩm có đủ điều kiện để tham gia cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Tín dụng kinh doanh nông nghiệp không nhất thiết phải nằm trong hệ thống ngân hàng nông nghiệp, nhà nước có thể qui định hay yêu cầu các ngân hàng thương mại dành một tỉ lệ cho vay nhất định nào đó cho kinh doanh nông nghiệp hoặc kinh doanh xuất khẩu nông phẩm.

Ngoài ra vấn đề thông tin thị trường nông sản cũng cần được phát triển và bao gồm trong nhóm chính sách này.

Nhóm chính sách 3 có thể gọi chung là nhóm các chính sách nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở kỹ thuật và văn hóa xã hội, bao gồm các nghiên cứu và đào tạo về khoa học kỹ thuật nông nghiệp, xây dựng hạ tầng đường sá, bến cảng, kho bãi, nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của nông dân qua công cuộc xây dựng đời sống mới ở nông thôn hoặc nói một cách hoa mỹ hơn: "thành thị hóa nông thôn", trong đó bao gồm cả chính sách phát triển công nghiệp cỡ nhỏ tại nông thôn (cottage industries).

Xây dựng hạ tầng cơ sở kỹ thuật bao gồm đường sá, bến cảng, kho bãi (giao thông vận tải) và thông tin liên lạc cùng một lúc đáp ứng hai yêu cầu:

1) Làm hạ giảm phí lưu thông hiện chiếm một tỉ lệ tương đối cao trong giá bán sản phẩm, bảo đảm thời gian giao hàng và tránh các thất thoát không cần thiết mà theo ước tính hiện nay lên tới khoảng trên 15% sản lượng nông nghiệp; đối với một số mặt hàng như thủy sản và rau quả, việc thông suốt giao thông và áp dụng kỹ thuật bảo quản tốt khi vận chuyển lại càng quan trọng hơn; sự yếu kém về cơ cấu hạ tầng còn hạn chế khả năng của nông dân trong việc nắm bắt những cơ hội thị trường.

2) Nâng cao đời sống của vùng nông thôn, giảm bớt vách ngăn giữa nông thôn và thành thị cả về không gian và thời gian, từ đó rút ngắn khoảng cách giữa hai nếp sống nông thôn và thành thị. Những tiểu vùng cần chú

trọng phát triển hạ tầng cơ sở trong DBSCL trước mắt là Bán đảo Cà Mau, các vùng ven biển và gần biên giới Việt-Campuchia (Đồng Tháp Mười), tất nhiên, việc thông suốt tuyến đường trục (quốc lộ 1) qua Sông Tiền và Sông Hậu cũng sẽ là những ưu tiên phát triển...

Chính sách về xây dựng đời sống nông thôn mới (new rural life) sẽ không thể thực hiện có hiệu quả tốt nếu không có một chính sách đúng đắn nhằm nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Tự bản thân, đây cũng là một chính sách toàn diện và lâu dài, bao gồm việc phổ cập giáo dục, trước mắt là xóa nạn mù chữ (6), vệ sinh trong sinh hoạt, điện khí hóa (7), y tế công cộng và đường sá đi lại trong thôn ấp. Tăng cường tri thức và xây dựng một mức sống cao hơn cho nông dân chính là một phương thức hữu hiệu nhất để bảo đảm khả năng thương thảo (bargaining power) của nông dân trong nền kinh tế thị trường, đồng thời về lâu dài giảm bớt gánh nặng chi tiêu của nền kinh tế trong việc hỗ trợ khu vực nông nghiệp.

Sau cùng, một chính sách phát triển công nghiệp nông thôn (nhỏ và vừa - cottage industries) tại vùng DBSCL là một hỗ trợ quan trọng cho việc nâng cao thu nhập ở các vùng nông thôn.

Sự phát triển công nghiệp nhỏ và thủ công nghiệp còn có khả năng tức thời thu hút lao động dư thừa tại nông thôn hiện nay, tạo một bước tiến trong việc chuyển hóa nông phẩm thô thành hàng hóa có giá trị cao hơn.

Để thực hiện hữu hiệu các chính sách trên, yêu cầu về một hệ thống tín dụng nông thôn hoàn chỉnh là một yêu cầu bức thiết trong những năm sắp tới. Thực tế, một hệ thống tín dụng nông thôn hoàn hảo, tuy không phải là chiếc

dũa thần để trong nháy mắt làm thay đổi hẳn bộ mặt nông thôn DBSCL, nhưng sẽ là một công cụ đắc lực cho mọi nỗ lực phát triển nông nghiệp và nông thôn. DBSCL đã có con người và đất đai, nhưng thiếu vốn, thiếu kỹ thuật và một môi trường định chế (institutional environment) thích hợp để tạo được những bước phát triển có khả năng làm "đầu lâu" đưa nền kinh tế cả nước thoát khỏi giai đoạn nghèo nàn và bất ổn định như hiện nay

ĐN.

(1) Đỗ Nguyên, "Chính sách tín dụng nông thôn và công cuộc phát triển nông nghiệp", Tạp chí Phát triển kinh tế - Trường Đại học Kinh tế - Số 12, tháng 9/1991.

(2) Đất nông nghiệp bao gồm đất trồng lúa, cây lương thực, hoa màu và cây lâu năm khác.

(3) Mức sử dụng phân hóa học tại DBSCL hiện chỉ bằng khoảng 25 - 30% mức của các nước vùng Đông Nam Á (Trần Hoàng Kim: Đồng bằng Sông Cửu Long, Vị trí và Tiềm năng - Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1991)

(4) Nông sản ở đây bao gồm cả các mặt hàng thủy sản, chăn nuôi và lâm nghiệp.

(5) C. Peter Timmer, Chính sách giá cả sản phẩm và vật tư nông nghiệp: Kinh nghiệm của Châu Á và các vấn đề đối với Việt Nam - Ảnh hưởng của chính sách nông nghiệp: Kinh nghiệm của các nước Châu Á và Đông Âu, những gợi ý đối với VN - UBKHNN và FAO - Hà Nội, 1991, trang 80 - 81.

(6) Theo số liệu thống kê 1976 - 1990, tỉ lệ mù chữ ở DBSCL khá cao. Tại 3 tỉnh An Giang, Hậu Giang và Kiên Giang, tỉ lệ này vượt 16% dân số trên 10 tuổi.

(7) Theo số liệu thống kê 1976 - 1990, 17% số hộ gia đình (trong khu vực thành thị) không có điện thắp sáng.

CÒN TÔI LÀ ...

Một xe hơi vượt báng cấm chạy vào cổng nhà máy, anh bảo vệ giữ xe lại không cho vào vì vi phạm luật. Người tài xế bèn giới thiệu hai người ngồi trên xe:

- Đây là giám đốc xí nghiệp "Tôm hùm xuất khẩu" và đây là giám đốc xí nghiệp "Cá mè nội địa", đồng chí để chúng tôi vào.

Anh bảo vệ bèn trở tay vào ngực mình:

- Còn tôi là giám đốc cái "chòi gác" này...

QUỐC MỸ